

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010



**TANCANG
LOGISTICS**

Effective Supply Chain Solutions

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010

MỤC LỤC

Thông điệp Chủ tịch Hội đồng Quản trị	02
Sơ lược về Công ty	04

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG

Báo cáo Hội đồng Quản trị	06
Báo cáo Ban Giám đốc	08

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Hội đồng Quản trị	23
Ban Kiểm soát	29
Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	33
Chính sách phát triển nguồn nhân lực	38

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất	42
Báo cáo tài chính riêng lẻ	86



“Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh năm 2010”

Thưa Quý Khách hàng, đối tác và Quý vị Cổ đông,

Thay mặt Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải và Xếp dỡ Tân Cảng “TCL”, tôi xin gửi đến tất cả các quý vị lời chào trân trọng nhất.

Hiện nay, Logistics đang trở thành một ngành công nghiệp dịch vụ quan trọng tại Việt Nam, đóng góp một phần không nhỏ vào GDP của cả nước. Theo ước tính cả nước ta hiện có khoảng hơn 600 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Logistics song song với các doanh nghiệp nước ngoài. Tuy nhiên, thị phần của các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và của Tân Cảng Logistics nói riêng vẫn còn rất khiêm tốn.

Trước tình hình đó, TCL đã cố gắng tận dụng tối đa các lợi thế sẵn có như thương hiệu và cơ sở hạ tầng kết nối của Công ty mẹ, đồng thời tập trung phát triển theo chiều sâu thông qua nâng cao chất lượng dịch vụ.

Bên cạnh đó, Công ty sẽ phát triển các dịch vụ mới như dịch vụ freight forwarding cho các tuyến châu Á, châu Âu, châu Mỹ..., đẩy mạnh khai thác dịch vụ ICD, dịch vụ kho lạnh, kho ngoại quan, phát triển dịch vụ kinh doanh đường thủy ven biển.

Ngoài ra, Công ty đang từng bước mở rộng sang các hoạt động kinh doanh khác như bất động sản, đầu tư tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng, với những chiến lược đúng đắn của Công ty, cùng với sự hợp tác của các đối tác, khách hàng, sự chung sức của toàn thể cán bộ công nhân viên cùng với Ban Lãnh đạo Công ty, sự chỉ đạo sâu sát của Hội đồng Quản trị cùng sự tin tưởng của Quý vị Cổ đông, Tân Cảng Logistics sẽ ngày càng phát triển lớn mạnh, đạt được mục tiêu luôn đứng vững ở vị trí là một trong


THÔNG điệp CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

những công ty Logistics hàng đầu của Việt Nam, gia tăng lợi ích lâu dài cho cổ đông của Công ty.

Cuối cùng, thay mặt cho Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên của Tân Cảng Logistics, tôi xin chân thành cảm ơn sự tín nhiệm của Quý vị Cổ đông đối với Công ty; cảm ơn Quý khách hàng, đối tác đã tin tưởng và hỗ trợ chúng tôi trong suốt thời gian qua; cảm ơn toàn bộ cán bộ công nhân viên đã cống hiến hết sức mình vào sự phát triển của ngôi nhà chung TCL.

Nhìn lại chặng đường đã qua, Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo Công ty trân trọng cảm ơn các Quý Cổ đông, các đối tác, khách hàng; các bộ, ngành, cơ quan hữu quan và tập thể cán bộ nhân viên đã sát cánh ủng hộ, hợp tác cũng như đồng hành cùng Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn!



Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Nguyễn Văn Uẩn

SƠ LƯỢC VỀ CÔNG TY

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đại lý giao nhận vận tải xếp dỡ Tân Cảng được thành lập năm 2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006182 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 08/3/2007.

Tên tiếng Anh: Tan Cang Logistics and Stevedoring JSC

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, P.Cát Lái, Q. 2, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (84-8) 3742 2234

Fax: (84-8) 3742 3027

Website: www.tancanglogistics.com.vn

Quy mô tài chính (31/12/2010)

Vốn điều lệ: 186.999.050.000 đồng

Vốn chủ sở hữu: 333.981.846.044 đồng

Tổng tài sản: 612.166.792.584 đồng

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường thủy nội địa
- Dịch vụ Logistics
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa
- Đại lý vận tải đường biển
- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa
- Dịch vụ cho thuê kho bãi, kiểm đếm, đóng gói hàng hóa
- Kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế
- Xây dựng và sửa chữa công trình dân dụng, công trình thủy phục vụ cảng biển, cảng sông
- Sửa chữa, đóng mới container, ro móc
- Dịch vụ cung ứng tàu biển



SƠ LƯỢC VỀ CÔNG TY

CÁC MỐC PHÁT TRIỂN LỊCH SỬ

Trải qua hơn 4 năm hoạt động, với sự phát triển của các loại hình dịch vụ kinh doanh, cơ sở vật chất và con người, TCL đã trở thành một trong những công ty hàng đầu Việt Nam về dịch vụ Logistics.

2010

TOP 100 giải thưởng “Sao vàng đất Việt”

01/2010: Khai trương tuyến vận chuyển sà lan Đồng bằng Sông Cửu Long

04/2010: Đầu tư vào Công ty CP ICD Tân Cảng Mép Cái và Công ty CP Tân Cảng Bến Thành

12/2010: Tăng vốn điều lệ từ 170,0 tỷ lên 186,9 tỷ đồng



TOP 100

2009

24/12/2009: Niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh với mã chứng khoán **TCL**

01/2009: Công ty bắt đầu khai thác dịch vụ Freight Forwarding

9/2009: Thành lập Công ty CP Vận Tải Tân Cảng số 2 với 65% vốn điều lệ, chuyên vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa



2008

Giải thưởng “**Công ty Cổ phần hàng đầu Việt Nam**” do Hiệp hội kinh doanh chứng khoán trao tặng

7/2008: Tăng vốn điều lệ từ 120,0 tỷ lên 170,0 tỷ đồng

11/2008: Công ty triển khai dịch vụ đại lý hải quan



2007

13/3/2007: Công ty CP ĐL GNVT XD Tân Cảng được thành lập, là Công ty con của Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn – trực thuộc Bộ Quốc Phòng với số vốn điều lệ 120,0 tỷ đồng

11/2007: Góp vốn thành lập Công ty CP Dịch vụ và Đại lý Tân Cảng số 1 với 51% vốn điều lệ, chuyên về vận tải hàng hóa bằng đường bộ khu vực TP. HCM và các tỉnh lân cận



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Được sự quan tâm và chỉ đạo kịp thời của Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, trong năm 2010, Hội đồng Quản trị Tân Cảng Logistics đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, giúp Công ty đạt được kết quả kinh doanh tốt đẹp.

Tổng doanh thu đạt: 799,5 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế đạt: 108,3 tỷ đồng

Trong năm 2010, tình hình kinh tế Việt Nam mặc dù đã có những dấu hiệu phục hồi tuy nhiên vẫn còn nhiều biến động phức tạp như: giá nguyên vật liệu, lãi suất ngân hàng tăng cao... song với sự chỉ đạo và định hướng của Hội đồng Quản trị, TCL đã gặt hái được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Những quyết sách kịp thời, những chủ trương đúng đắn trong mọi lĩnh vực: nhân sự, đầu tư, phát triển các nghiệp vụ kinh doanh... được Hội đồng Quản trị đưa ra phù hợp với thực tế hoạt động, phát huy được thế mạnh sẵn có của Công ty và được Ban Giám đốc triển khai kịp thời. Nhờ đó, quy mô hoạt động ngày càng mở rộng và khắc phục được những khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thương hiệu của Công ty tiếp tục được các cơ quan quản lý và khách hàng quan tâm, tín nhiệm.

Hội đồng Quản trị duy trì họp mỗi quý một lần, tổ chức họp bất thường theo triệu tập của Chủ tịch Hội đồng Quản trị khi cần thiết, đảm bảo chương trình, số lượng thành viên dự họp và biểu quyết theo luật định. Tổ chức thực hiện tốt công tác giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý. Quan tâm kiện toàn công tác tổ chức cán bộ, tuyển dụng nhân sự chất lượng cao cho các vị trí quan trọng, chủ chốt của Công ty.

Kể từ sau Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 đến nay, **Hội đồng Quản trị đã ra quyết định thông qua một số vấn đề quan trọng sau:**

- Tờ trình về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010 và kế hoạch kinh doanh năm 2011;
- Thông qua các hạng mục đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm máy móc thiết bị và đầu tư tài chính;
- Đầu tư mở tuyến vận chuyển sà lan tại Cần Thơ và Đồng Tháp;
- Thông qua kết quả lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản về việc điều chỉnh phương án chào bán cổ phiếu ra bên ngoài; và,
- Thông qua phương án mua cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quân đội.

MỘT SỐ THAY ĐỔI TRONG NĂM

TCL

Người vận chuyển đáng tin cậy



Trong năm 2010, Hội đồng Quản trị đã áp dụng chiến lược kinh doanh đầu tư trang thiết bị hiện đại, nâng cao năng lực và chất lượng dịch vụ, đồng thời tập trung chỉ đạo công tác đầu tư theo kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông 2010, từ đó đưa ra các chỉ đạo sát sao, kịp thời và linh hoạt mang tính chất đột phá tạo tiền đề phát triển bền vững cho các năm tiếp theo.

- Xác định “**sự hài lòng của khách hàng là yếu tố then chốt cho thành công của Công ty**”, từ tháng 10/2010, Công ty đã triển khai dịch vụ đóng, rút hàng bao bằng băng chuyền tại bến 125 – Cảng Cát Lái. Dịch vụ mới bước đầu đã mang lại lợi nhuận và góp phần tạo uy tín, thương hiệu cho TCL;
- Nhằm nâng cao năng lực xếp dỡ, vận chuyển, năm 2010 Công ty đã đưa thêm 03 xe nâng và 05 cầu vào khai thác, đẩy nhanh tốc độ giải phóng hàng hóa tại cảng Cát Lái;
- Liên kết với Tổng Công ty Bến Thành và Công ty Cổ phần Đầu tư Thủ Thiêm thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Bến Thành hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh kho bãi;
- Đầu tư dự án 50 hecta đất xây dựng cơ sở hạ tầng khai thác kho bãi container và khu dân sinh tại huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010

Tại thời điểm 31/12/2010, tổng tài sản của TCL là 612,1 tỷ đồng, tăng 36,8% so với năm 2009.

Ngoài ra, trong năm 2010, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 170,0 tỷ đồng lên 186,9 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu của Công ty tương ứng tăng 14,6%, từ 291,3 tỷ đồng lên 333,9 tỷ đồng. Trong đó thặng dư vốn cổ phần là 8,0 tỷ đồng.

Các chỉ số tài chính

Khả năng thanh toán

Chỉ số thanh toán ngắn hạn đánh giá năng lực tài chính của Công ty. Chỉ số này trong năm 2009 là 2,0 lần và năm 2010 là 1,7 lần, cho thấy khả năng thanh toán của TCL là rất tốt.

Khả năng sinh lời

Nhóm chỉ số về khả năng sinh lời của Công ty năm 2010 tiếp tục được duy trì ở mức cao do Công ty đã tiếp tục thực hiện mở rộng hoạt động kinh doanh, gia tăng thị phần vận chuyển và đạt được kết quả kinh doanh tốt.

Hiệu quả quản lý

Chỉ số vòng quay tổng tài sản của Công ty trong năm 2010 là 1,5 lần, cao hơn mức 1,4 lần của năm 2009. Chứng tỏ việc sử dụng tài sản của TCL ngày càng đạt hiệu quả.

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm	
	2010	2009
Tổng tài sản	612.167	447.332
Vốn chủ sở hữu	333.982	291.346
Vốn điều lệ	186.999	170.000
Thặng dư vốn CP	8.001	25.000

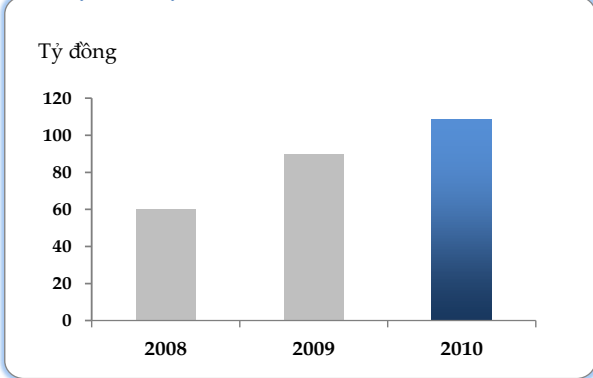
Chỉ số	Năm	
	2010	2009
Khả năng thanh toán		
Ngắn hạn	1,7	2,0
Khả năng sinh lời		
Tỷ suất sinh lời gộp	20,8%	23,8%
ROE	34,6%	35,5%
ROA	20,4%	24,2%
Hiệu quả quản lý		
Số vòng quay tài sản	1,5	1,4

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm	
	2010	2009
Tổng doanh thu	799.521	530.047
Tổng chi phí	657.531	421.589
Lợi nhuận sau thuế	108.252	89.637
EPS (đồng)	5.143	4.615

Lợi nhuận sau thuế năm 2008 -2010



Năm 2010, tình hình kinh tế Việt Nam và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có những hồi phục đáng kể, tuy nhiên hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng bị ảnh hưởng nhất định trước những biến động về giá nguyên vật liệu, nhiên liệu và sự cạnh tranh của các đơn vị cùng ngành... Trong bối cảnh đó, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã nhận định và đưa ra các giải pháp phù hợp, giúp Công ty vượt kế hoạch kinh doanh 2010 do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Đây là một kết quả khích lệ đối với tập thể lãnh đạo và người lao động trong Công ty.

Tổng doanh thu năm 2010 của Công ty đạt 799,5 tỷ đồng, **tăng 50,8%** so với năm 2009 và **vượt 21,4%** so với kế hoạch đề ra. Trong đó, hoạt động xếp dỡ container là hoạt động đóng góp tỷ trọng lớn vào doanh thu của Công ty.

Cùng với sự tăng trưởng của doanh thu, lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2010 cũng có được kết quả ấn tượng, đạt 108,3 tỷ đồng, **tăng 20,8%** so với năm 2009 và **vượt 21,3%** so với kế hoạch đề ra.

Có thể nói, năm 2010 là một năm thành công của Tân Cảng Logistics trong giai đoạn vừa đẩy mạnh hoạt động kinh doanh vừa đẩy mạnh hoạt động đầu tư. Kết quả trên cũng là tiền đề để Công ty có những tăng trưởng tốt hơn trong những năm tiếp theo.

NHỮNG TIẾN BỘ ĐẠT ĐƯỢC

Trong năm 2010, Ban Lãnh đạo Công ty đã có những chỉ đạo thích hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời tăng cường hiệu quả quản lý các hoạt động của Công ty. Cụ thể được thể hiện ở các mặt sau:

▪ Về nguồn nguyên vật liệu

Trong điều kiện giá cả vật tư, nguyên nhiên vật liệu biến động bất thường, không ổn định, Công ty đã chủ động đặt quan hệ với nhiều nhà cung cấp, tạo mối quan hệ hợp tác tin cậy nhằm tạo ra những nguồn cung ứng nguyên vật liệu đầu vào ổn định với giá cả cạnh tranh.

▪ Về năng lực xếp dỡ, vận chuyển

Năm 2010, được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Công ty đã tiến hành mua thêm 03 xe nâng, 01 cầu Liebherr, 02 cầu RTG 6+1 và 02 cầu container Gantry Cranes và đưa vào khai thác, góp phần nâng cao năng lực xếp dỡ, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

▪ Về hoạt động đầu tư

Nhằm đẩy mạnh và mở rộng hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực kho bãi, trong năm 2010 Công ty đã góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Bến Thành. Bên cạnh đó Công ty cũng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng

khai thác kho bãi tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với **diện tích 50 hecta**.

▪ Về hoạt động tìm kiếm và mở rộng mạng lưới khách hàng

Song song với chính sách đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh phù hợp với chủ trương và các quy định hiện hành, Công ty đã chủ động tìm kiếm các đối tác, khách hàng để phát triển dịch vụ logistics, nhằm mang lại sự hài lòng cho khách hàng và hiệu quả kinh doanh cho Công ty.

▪ Về hoạt động kiểm tra và giám sát

Ban Lãnh đạo Công ty đã thường xuyên kiểm tra và giám sát việc tuân thủ các quy định, quy chế trong Công ty, cũng như các quy định của pháp luật, đảm bảo mọi hoạt động kinh doanh được thực hiện nghiêm túc và tuân theo pháp luật.

▪ Về sự phối hợp giữa các bên liên quan trong hoạt động kinh doanh

Năm 2010, sự phối hợp giữa TCL với Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh, Chi Cục Hải quan Cảng SG KVI, các cơ quan hữu quan (Công an Q2, Công an đường thủy, đường bộ...) và chính quyền địa phương tiếp tục được củng cố vững chắc.

KẾ HOẠCH KINH DOANH 2011



Vận chuyển, lưu thông hàng hóa trong nước và quốc tế là một khâu huyết mạch vận hành, thúc đẩy hoạt động của các ngành nghề khác nhau trong nền kinh tế. Đặc biệt, khi gia nhập WTO, nền kinh tế Việt Nam đón nhận nhiều cơ hội phát triển song song với những thách thức không nhỏ. Các doanh nghiệp Logistics nói chung và TCL nói riêng sẽ chịu sự cạnh tranh gay gắt với các doanh nghiệp nước ngoài. Nhận biết được những cơ hội và thách thức, những lợi thế và những khó khăn riêng của mình, Ban Lãnh đạo Công ty đã đặt ra kế hoạch kinh doanh năm 2011 với các mục tiêu:

- Hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh năm 2011, đảm bảo tốc độ tăng trưởng doanh thu trên 12,8% so với năm 2010;
- Triển khai đầu tư xây dựng Depot 10 để khai thác container rỗng xuất nhập tàu phục vụ cho Cảng Cát Lái;
- Tiếp nhận, đầu tư và đưa vào khai thác Cảng Tân Cảng Nhơn Trạch;
- Cùng với một số đối tác có uy tín thành lập ICD Tân Cảng – Cái Mép cung cấp dịch vụ hậu cần cảng biển tại khu vực Cảng Cái Mép – Thị Vải;
- Đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án xây dựng kho, bãi, mở rộng địa bàn kinh doanh tại KCN Long Bình (Biên Hòa, Đồng Nai).

TRIỂN VỌNG NGÀNH LOGISTICS

Ngành kinh doanh trẻ, tăng trưởng cao

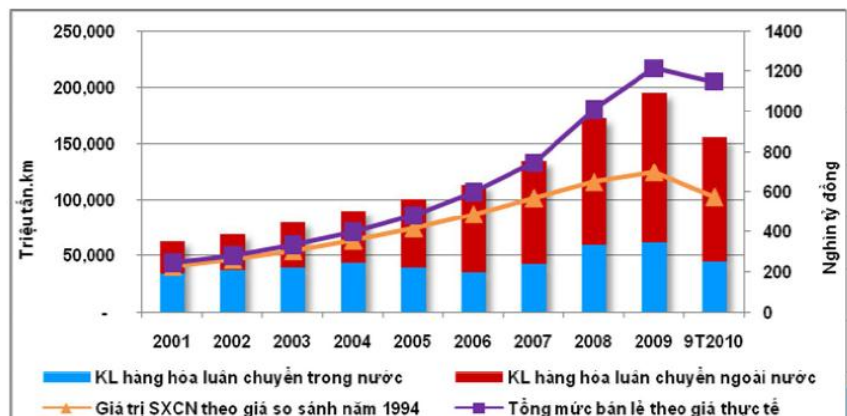
Thập niên qua chứng kiến sự hội nhập mạnh mẽ của Việt Nam vào khu vực và thế giới, với tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đạt 7,4% - thuộc nhóm phát triển cao nhất ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương.

Bên cạnh sự phát triển kinh tế mạnh mẽ đó, ngành Logistics cũng đạt được những kết quả hết sức khả quan. Trong khi thương mại quốc gia tăng ở mức trung bình 13,0%/năm trong thập niên qua, thì ngành Logistics của Việt Nam đã đạt được mức tăng trưởng đầu tư là 20,0%/năm. Quy mô thị trường Logistics ước đạt 20,0 tỷ USD/năm.

Điều kiện phát triển Ngành

Không chỉ phục vụ cho sự phát triển kinh tế trong nước, ngành Logistics của Việt Nam còn có lợi thế để phát triển vượt ra khỏi biên giới quốc gia. Giống như các quốc gia trong khu vực có bờ biển dài như Trung Quốc, Malaysia, Philipin... Việt Nam có tiềm năng để trở thành trung tâm trung chuyển hàng hóa bằng đường biển với trên 150 cảng từ Bắc vào Nam.

Khối lượng hàng hóa vận chuyển theo khu vực vận tải



Cơ hội trong kinh doanh

Với trên 80,0% lượng hàng hóa được lưu chuyển bằng đường sông và đường biển, vận tải đường thủy là lĩnh vực kinh doanh có nhiều cơ hội ở Việt Nam. Trong những năm qua, sự phát triển trong hoạt động thương mại chủ yếu được thực hiện thông qua con đường này. Với sự phát triển công nghiệp và thương mại, định hướng xuất khẩu như hiện nay, sự tăng trưởng mạnh mẽ của thị trường vận tải hàng hóa trong 5 – 10 năm nữa là một tương lai có thể thấy trước ở Việt Nam.

Cơ hội đầu tư cơ sở hạ tầng

Với tốc độ tăng trưởng nhanh của thương mại hàng hóa, lĩnh vực khai thác cảng là một hoạt động kinh doanh hấp dẫn ở Việt Nam. Theo Cục Hàng hải Việt Nam, cả nước có hơn 150 cảng, trong đó Tân Cảng – Cát Lái là cảng container lớn nhất Việt Nam hiện nay và đi vào khai thác từ năm 1992 với sản lượng hàng hóa thông qua cảng năm 2009 khoảng 2,5 triệu TEUs, năm 2010 vào khoảng 2,8 triệu TEUs.

Theo Đề án Phát triển hệ thống cảng biển, từ nay đến 2020 Việt Nam cần ít nhất 19,0 – 23,8 tỷ USD để đầu tư vào các cảng biển.

Các cảng biển lớn nhất của Việt Nam

Tên Cảng	Trọng tải tàu	Năng lực xếp dỡ
Tân Cảng - Cát Lái	2.000 TEUs	2,5 triệu TEUs/năm
Tân Cảng - Cái Mép	9.000 TEUs	0,6 triệu TEUs/năm
Cảng Tiên Sa	45.000 DWT	4,5 triệu tấn/năm
Cảng Cái Lân	50.000 DWT	4,7 triệu tấn/năm
Cảng Hải Phòng	40.000 DWT	11,4 triệu tấn/năm

MÔ HÌNH SWOT - TCL

S

Điểm mạnh

- Lượng khách hàng lớn và ổn định nhờ vào thị phần khai thác container xuất nhập khẩu chiếm hơn 80,0% tại khu vực phía Nam của công ty mẹ là Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn;
- TCL có hệ thống kho bãi rộng khắp ở các khu công nghiệp trọng điểm như TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa – Vũng Tàu và các tỉnh miền Tây;
- TCL có năng lực tài chính tốt (doanh thu đều tăng trưởng trong giai đoạn 2008 – 2010, tỷ suất ROA các năm trên đều xấp xỉ 20,0%, ROE xấp xỉ 30,0%).

W

Điểm yếu

- Công tác quản lý chưa thực sự hiệu quả, năng suất làm việc chưa cao;
- Chưa tìm được đối tác chiến lược nước ngoài để nâng cao hiệu quả khai thác và nâng cao năng lực quản lý Công ty;
- Chất lượng truyền đạt thông tin và tốc độ xử lý của website Công ty chưa tốt;
- Công ty đã khai thác được lượng khách hàng ngoài nguồn cung cấp của Công ty mẹ nhưng chưa nhiều.

O

Cơ hội

- Giao thương quốc tế ngày càng sôi động, từ khi gia nhập WTO, lượng hàng hóa lưu chuyển xuất nhập khẩu gia tăng mạnh, mang lại nhiều cơ hội cho ngành Logistics;
- Rào cản gia nhập ngành khá cao do doanh nghiệp mới muốn gia nhập thị trường phải có số vốn lớn để đầu tư cơ sở hạ tầng và trang thiết bị, cũng như sẽ gặp khó khăn trong việc tìm kiếm nguồn khách hàng.

T

Thách thức

- Là doanh nghiệp khá trẻ trong ngành Logistics;
- Sự cạnh tranh với các đối thủ trong nước (Gemadep, Safi...) cũng như đối thủ nước ngoài (Schenker, Lotte Sea...) ngày càng gay gắt.
- Ngoài ra, theo lộ trình cam kết WTO về mở cửa thị trường Logistics, đến 11/01/2014, Việt Nam sẽ chính thức cho phép doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực Logistics tham gia vào thị trường Việt Nam;
- Giá cổ phiếu, hiệu quả kinh doanh đặt kế hoạch ngày càng cao tạo áp lực lớn cho Ban Lãnh đạo Công ty;
- Hạn chế về công nghệ và trình độ quản lý so với các doanh nghiệp Logistics ở các nước tiên tiến.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 2011- 2015 TẦM NHÌN ĐẾN 2020

2011-2020

Mục tiêu

phát triển

Mục tiêu chung

Chú trọng đầu tư và phát triển năng lực ngành nghề cốt lõi của Công ty gắn liền với hoạt động khai thác cảng của Tổng Công ty như: dịch vụ xếp dỡ, vận chuyển, khai thác depot container rộng. Tập trung phát triển nhanh và bền vững dịch vụ Logistics (chuỗi cung ứng), **lấy dịch vụ Logistics làm nhiệm vụ trọng tâm để phát triển trong giai đoạn 2011 – 2020**. Mục tiêu đến năm 2015 trở thành nhà cung cấp dịch vụ Logistics trọn gói và chuyên nghiệp hàng đầu Việt Nam.

Mục tiêu cụ thể

▪ Dịch vụ xếp dỡ

Tiếp tục đầu tư, đổi mới trang thiết bị xếp dỡ, vận chuyển phù hợp với quy hoạch phát triển lâu dài của Cảng Cát Lái như: đầu tư mới cầu khung (RTG) 6+1 thay thế dần những xe nâng cũ, đầu tư cầu Gantry Cranes (KE) tham gia xếp dỡ tàu tại Cát Lái và các Cảng khác của SNP.

▪ Dịch vụ khai thác Depot

Củng cố và nâng cao chất lượng dịch vụ depot container rộng, tập trung phát triển Depot rộng khu vực cạnh Cảng Cát Lái để khai thác container rộng xuất nhập tàu, với mục tiêu từ năm 2011 TCL sẽ tiếp nhận và quản lý toàn bộ container rộng thông qua Cảng Cát Lái.

▪ Dịch vụ Logistics

Tập trung đầu tư phát triển dịch vụ Forwarder, khai thuê hải quan và dịch vụ Logistics trọn khâu, dịch vụ cho thuê kho, hướng đến mục tiêu thành lập trung tâm phân phối tại các khu vực Bắc – Trung – Nam. Phấn đấu đến năm 2015 trở thành nhà cung cấp dịch vụ Logistics cấp độ 3 hàng đầu Việt Nam, tốc độ tăng trưởng dịch vụ Logistics hàng năm phấn đấu đạt từ 35,0% - 40,0%.

2011-2020

Giải pháp

phát triển

Giải pháp chung

- Duy trì và tham gia vào các hiệp hội Logistics, hiệp hội hàng hóa trong và ngoài nước, từ đó tạo uy tín và nâng cao thương hiệu Tân Cảng Logistics trong ngành;
- Tận dụng năng lực nội tại, đặc biệt là thương hiệu của Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn trên trường quốc tế;
- Tận dụng thế mạnh của các công ty thành viên của SNP để thực hiện dịch vụ door to door cho khách hàng;
- Tập trung nghiên cứu, đề xuất ứng dụng CNTT trong quản lý dịch vụ Logistics;
- Nghiên cứu sử dụng dịch vụ thanh toán qua mạng internet.

Giải pháp về mở rộng thị trường

▪ Khu vực miền Nam

Tại Hồ Chí Minh: Công ty sẽ cùng với Công ty Tân Cảng Bến Thành đầu tư xây dựng kho lạnh có diện tích từ 2,0 – 3,0 ha tại khu vực lân cận Cảng Cát Lái;

Tại Đồng Nai: Công ty sẽ sớm hoàn tất thủ tục thuê cầu cảng, bến bãi với Vùng 2 – Hải quân và giấy phép khai thác cảng tổng hợp;

Tại khu vực ĐBSCL: cuối năm 2011, đầu năm 2012 Công ty sẽ thành lập Chi nhánh tại Cần Thơ, An Giang kinh doanh dịch vụ Forwarder, khai hải quan và vận tải.

▪ Khu vực miền Trung

Năm 2013 – 2014, Công ty sẽ mở Chi nhánh tại Đà Nẵng/Quy Nhơn kinh doanh dịch vụ mua bán cước đường biển/cước nội địa và khai thuê hải quan, đồng thời cùng với Cảng Tân Cảng miền Trung cung cấp dịch vụ trọn gói cảng – kho cho khách hàng. Sau năm 2013, cùng với Công ty Tân Cảng số 2 nghiên cứu mở tuyến vận tải nội địa: Hải Phòng – Đà Nẵng – Quy Nhơn – Cam Ranh từ Bắc vào Nam.

▪ Khu vực miền Bắc

Năm 2012, Công ty sẽ mở chi nhánh tại Hà Nội/Hải Phòng, bước đầu kinh doanh dịch vụ mua bán cước đường biển, hàng không và kê khai hải quan. Sau năm 2015, hợp tác cùng một số đối tác lớn tại miền Bắc đầu tư xây dựng kho CFS, kho phân phối tại Hải Phòng, Hà Nội.

THÔNG TIN CỔ PHẦN

Vốn điều lệ của Công ty	:	186.999.050.000	đồng
Khối lượng cổ phiếu niêm yết	:	18.699.905	cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu lưu hành	:	18.699.905	cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu quỹ	:	0	cổ phiếu
Mệnh giá 1 cổ phiếu	:	10.000	đồng

EPS

5.143

đồng/cổ phiếu

“Công ty luôn phấn đấu đạt đến sự hài lòng của khách hàng, trở thành Công ty hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ Logistics”

Những thay đổi về vốn góp

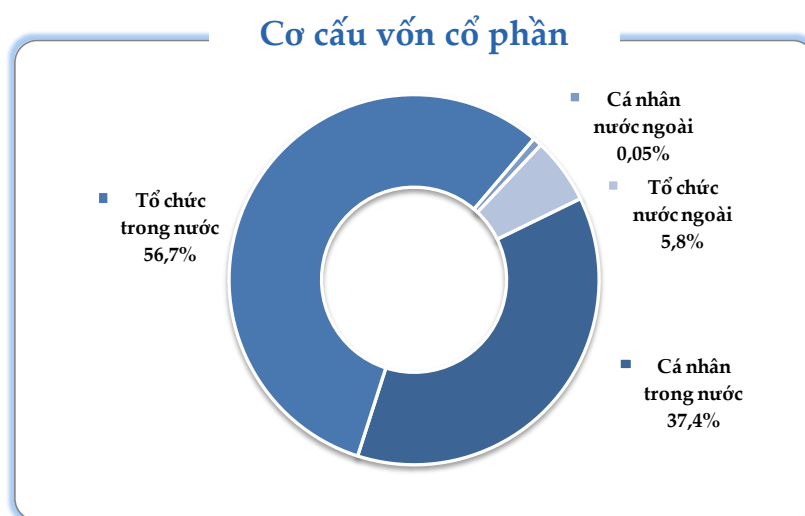
Đơn vị: đồng

Danh mục	Năm		
	2009	2010	Tỷ lệ
Cổ đông sáng lập	89.533.300.000	98.486.630.000	52,7%
- Công ty Tân cảng Sài Gòn	86.700.000.000	95.370.000.000	51,0%
- Công ty container Sài Gòn (TNHH)	2.125.000.000	2.337.500.000	1,3%
- Công ty CP Tân cảng V.F	708.300.000	779.130.000	0,4%
Cổ đông phổ thông	80.466.700.000	78.395.774.100	41,9%
Cổ đông nước ngoài		10.116.645.900	5,4%
Tổng vốn chủ sở hữu	170.000.000.000	186.999.050.000	100,0%

Ghi chú: Vốn đầu tư của Nhà nước vào Công ty tại thời điểm 31/12/2010 là: 95.370.000.000 đồng, chiếm 51,0% vốn điều lệ

Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Đại lý giao nhận vận tải xếp dỡ Tân Cảng

Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty tính đến thời điểm chốt danh sách tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 16 tháng 02 năm 2011 như sau:



BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5,0% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Đại lý giao nhận vận tải xếp dỡ Tân Cảng

Tên cổ đông	Số ĐKKD/CMND	Số CP sở hữu	Tỷ lệ
1. Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	41060090337	9.537.000	51,0%

Thông tin chi tiết về cổ đông

THÔNG TIN CHUNG

Tên Công ty: Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn

Tên Tiếng Anh: Saigon Newport Company

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, P.22, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 38 999 034

Email: info.snp@saigonnewport.com.vn

Website: www.saigonnewport.com.vn

Giấy CNĐKKD số: 4106000337 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 07/02/2007

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Xếp dỡ hàng hóa, dịch vụ cảng biển kho bãi;
- Vận tải hàng hóa đường bộ, đường sông, lai dắt tàu biển;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa, cung cấp nước ngọt;
- Dịch vụ nạo vét, cứu hộ trên biển, trên sông;
- Xây dựng và sửa chữa các công trình thủy, công trình công nghiệp, dân dụng;
- Xây dựng và kinh doanh cao ốc, văn phòng;
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, xăng dầu, đại lý xăng dầu;
- Trung chuyển hàng hóa quốc tế, hàng hóa quá cảnh;
- Phân loại, lưu trữ, bảo quản, sửa chữa bao gói, đóng gói hàng hóa;
- Kinh doanh hàng hóa trung chuyển quốc tế;
- Đầu tư đa phương thức quốc tế....

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Đơn vị: đồng

Công ty con	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đại lý Tân Cảng Số Một ⁽ⁱ⁾	1.020.000	10.200.000.000	1.020.000	10.200.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Tân Cảng Số Hai ⁽ⁱⁱ⁾	2.550.000	25.500.000.000	825.000	8.250.000.000
Cộng		35.700.000.000		18.450.000.000

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4103008479 ngày 19 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đại lý Tân Cảng Số Một 10.200.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Công ty đã đầu tư đủ 10.200.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đại lý Tân Cảng Số Một.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3501472714 ngày 22 tháng 9 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Vận tải Tân Cảng Số Hai 25.500.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã đầu tư thêm 17.250.000.000 VND, trong đó góp bằng tài sản cố định là 7.900.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ 25.500.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ (số đầu năm là 8.250.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ).

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

Đơn vị: đồng

Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cypress ⁽ⁱ⁾	40%	4.854.818.140		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Bến Thành ⁽ⁱⁱ⁾	36%	500.000.000		
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Suối Năng ⁽ⁱⁱⁱ⁾	49%	2.539.416.974	49%	2.020.673.770
Cộng		7.894.235.114		2.020.673.770

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3501556139 ngày 10 tháng 3 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tân Cảng Cypress 7.146.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ. Trong năm và tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ 7.146.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Tân Cảng Cypress.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0310151577 ngày 12 tháng 7 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Bến Thành là 54.000.000.000 VND. Trong năm và tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 500.000.000 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Bến Thành là 53.500.000.000 VND.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 41103200063 ngày 30 tháng 3 năm 2009 do Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp Vận Suối Năng 98.000 USD, tương đương 49% vốn điều lệ. Công ty đã đầu tư đủ số vốn đã cam kết.

■ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng Quản trị giữ vai trò định hướng chiến lược kế hoạch hoạt động hàng năm, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban Điều hành Công ty.

Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là 5 người. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là 5 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá 5 năm và thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Thù lao Hội đồng Quản trị

Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2011 của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải xếp dỡ Tân Cảng đã thông qua mức thù lao chi trả cho Hội đồng Quản trị (bao gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và 03 Ủy viên) là **154.800.000 đồng/năm**, với tỷ lệ đồng ý là 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.



ÔNG NGUYỄN VĂN UẤN

*Chủ tịch Hội đồng Quản trị
kiêm Giám đốc Công ty*

- Ngày sinh : 24/12/1962
- Địa chỉ thường trú : 180/30 Nguyễn Hữu Cảnh, P. 22, Q. Bình Thạnh, TP. HCM
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế
- Quá trình công tác:
 - Từ 9/1982 : Học viên Sĩ quan Trường SQ Hải quân.
 - Từ 09/1985 : Thuyền phó HQ910. HD1, Lữ đoàn 170 Hải quân
 - Từ 10/1986 : Thuyền phó HQ816. Lữ đoàn 161V3HQ
 - Từ 10/1988 : Đội trưởng đầu kéo cầu kéo kiêm Thuyền trưởng HQ974, X46, CKT Hải quân
 - Từ 03/1993 : Trưởng Cầu nổi 100 Tấn (HQ9102). Phòng Cảng vụ, QCSG
 - Từ 7/2000 : Phó GĐXN Lai dắt cứu hộ - Tân cảng, QCSG
 - Từ 6/2006 : Giám đốc XN Đại lý GNVTXD-TC, QCSG
 - Từ 4/2007 đến nay : Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc TCL
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Ủy viên HĐQT Tổng Công Ty Tân Cảng Sài Gòn; Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần dịch vụ và Đại lý Tân Cảng Số Một; Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Tân Cảng-128 Hải Phòng
- Số cổ phần nắm giữ: 16.222 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ CP của công ty: Em trai Nguyễn Văn Thơ nắm giữ: 5.583 cổ phần cá nhân. chiếm 0.03% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không



ÔNG NGÔ MINH THUẬN

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Ngày sinh : 07/02/1971
- Địa chỉ thường trú : 6D6 Cư xá 30/4, Điện Biên Phủ, P.25, Q. Bình Thạnh, HCM
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kinh tế vận tải biển
- Quá trình công tác:
 - Từ 09/1994 : Học viên Sĩ quan dự bị Học viện Phòng không
 - Từ 01/1995 : Trợ lý khai thác, P. Khai thác điều độ, Công ty Tân Cảng Sài Gòn
 - Từ 04/1996 : Đội phó Trực ban Điều độ, P. Điều độ, Công ty Tân Cảng Sài Gòn
 - Từ 07/2000 : Đội trưởng Trực ban Điều độ, Trung tâm Điều độ, Công ty Tân Cảng Sài Gòn
 - Từ 11/2003 : Phó Giám đốc kiêm Trưởng Trực ban sản xuất, Trung tâm điều độ, Công ty Tân Cảng Sài Gòn
 - Từ 04/2004 : Phó Giám đốc Xí nghiệp Cảng Cát Lái, CT Tân Cảng Sài Gòn
 - Từ 05/2005 : Phó Giám đốc Trung tâm điều độ, Công ty Tân Cảng Sài Gòn
 - Từ 04/2007 : Giám đốc Trung tâm điều độ kiêm Phó Chủ tịch HĐQT, công ty cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải xếp dỡ Tân Cảng
 - Từ 05/2009 : Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Trung tâm điều độ Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, kiêm Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng
 - Từ 12/2009 đến nay : Phó Tổng Giám đốc kiêm Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng
- Số cổ phần nắm giữ: 13.926 cổ phần
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc Công ty Tân cảng Sài Gòn
- Những người có liên quan: Vợ - Võ Thị Xuân Thủy nắm giữ 5.720 cổ phần cá nhân chiếm 0,0305% VDL
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không



ÔNG TRẦN HOÀI NAM

Ủy viên Hội đồng Quản trị

- Ngày sinh : 19/6/1966
- Địa chỉ thường trú : 46 Mê Linh, P.19, Q. Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân
- Quá trình công tác:
 - Từ 11/1985 : Chiến sỹ C6E29f319QK3
 - Từ 01/1996 : Học viên ôn văn hoá QK3
 - Từ 07/1987 : Học viên sĩ quan Trường SQ Hậu cần
 - Từ 09/1990 : Trợ lý Hậu cần V4 Hải quân
 - Từ 11/1994 : Trợ lý Phòng Hành chính - Hậu cần, QCSG
 - Từ 11/1998 : Lâm thời trợ lý nhân sự Phòng Tổ chức lao động, QCSG
 - Từ 05/2001 : Trợ lý Quân lực Phòng Tổ chức lao động, QCSG
 - Từ 05/2002 : Phó TP, Tổ chức lao động, QCSG
 - Từ 03/2006 : Phó Giám đốc XN Đại lý GNVTXD-TC, QCSG
 - Từ 04/2007 : Ủy viên HĐQT kiêm PGĐ Cty CP Đại lý GNVTXD Tân Cảng
 - Từ 04/2010 đến nay : Ủy viên HĐQT Cty CP Đại lý GNVTXD Tân Cảng, GD Cty CP Cảng Tân Cảng Hiệp Phước
- Số cổ phần nắm giữ: 14.790 cổ phần
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP Cảng Tân Cảng Hiệp Phước
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không



ÔNG LÊ HOÀNG LINH

*Ủy viên Hội đồng Quản trị
kiêm Phó Giám Đốc Công ty*

- Ngày sinh : 14/02/1968
- Địa chỉ thường trú : 287 Lê Quang Định, P.17, Q. Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế vận tải biển
- Quá trình công tác:
 - Từ 11/1991 : Trợ lý kỹ thuật khai thác tàu, Phòng Kế hoạch, Tổng công ty Miền Tây, Quân khu 9
 - Từ 01/1993 : Chuyên viên P. Khai thác điều độ, công ty Tân cảng Sài Gòn
 - Từ 09/1996 : Chuyên viên P. Kế hoạch Khai thác, công ty Tân cảng Sài Gòn
 - Từ 09/2006 : Trưởng ban Khai thác, P. Kế hoạch Khai thác, công ty Tân cảng Sài Gòn
 - Từ 04/2007 : Ủy viên HĐQT kiêm Trưởng ban Logistics, TCL
 - Từ 03/2008 : Ủy viên HĐQT – Trưởng Phòng Logistics, TCL
 - Từ 04/2008 : Ủy viên HĐQT – Phó Giám đốc kiêm Trưởng Phòng Logistics CTCP Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng
 - Từ 06/2009 : Ủy viên HĐQT – Phó Giám đốc TCL
 - Từ 09/2009 đến nay : Ủy viên HĐQT – Phó Giám đốc TCL kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Vận tải Tân Cảng số Hai
- Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT - Phó Giám đốc TCL
- Số cổ phần nắm giữ: 14.589 cổ phần
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:
 - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Vận tải Tân Cảng số Hai
 - Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Dịch vụ và Đại lý Tân Cảng số Một
 - Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Tân Cảng Cypress
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không



ÔNG LÊ HỮU CHÍ

Ủy viên Hội đồng Quản trị

- Ngày sinh : 12/9/1956
- Địa chỉ thường trú : 378 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, Q. Bình Thạnh, HCM
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật
- Quá trình công tác:
 - Từ 1993 đến nay : Giám đốc Công ty TNHH Saigon Container
- Số cổ phần nắm giữ : 4.400 cổ phần
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH Sài Gòn container
- Những người có liên quan nắm giữ CP của công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 5 năm; thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban Kiểm soát chịu sự quản lý trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty, giám sát việc tuân thủ chấp hành chế độ hạch toán, kế toán, quy trình, quy chế quản trị nội bộ Công ty, thẩm định Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của Báo cáo tài chính Công ty.

Ban Kiểm soát có 3 thành viên. Trong Ban Kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính, kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính của Công ty.

Thù lao Ban Kiểm soát

Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2011 của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải xếp dỡ Tân Cảng đã thông qua mức thù lao chi trả cho Ban Kiểm soát (bao gồm Trưởng Ban và 02 thành viên) là **45.600.000 đồng/năm**, với tỷ lệ đồng ý là 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.



ÔNG PHÙNG NGỌC MINH

Trưởng Ban Kiểm soát

- Ngày sinh : 09/7/1970
- Địa chỉ thường trú : 671/4 Nguyễn Kiệm, Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP.HCM
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - Từ 1994 : Nhân viên kế toán Công ty Sữa Việt Nam
 - Từ 07/1999 : Nhân viên Phòng Vật tư Công ty Tân Cảng Sài Gòn
 - Từ 01/2000 : Nhân viên kế toán Xí nghiệp Kho bãi Tân Cảng, công ty Tân Cảng Sài Gòn
 - Từ 08/2000 : Nhân viên kế toán tổng hợp Phòng Tài chính, Công ty Tân Cảng Sài Gòn
 - Từ 2003 : Phó Phòng Tài chính Công ty Tân Cảng Sài Gòn
 - Từ 07/2006 : Trưởng Phòng Tài chính Công ty Tân Cảng Sài Gòn
 - Từ 04/2007 đến nay : Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán trưởng Công ty Tân Cảng Sài Gòn kiêm Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán trưởng Công ty Tân Cảng Sài Gòn
 - Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Tân cảng - Cái mép
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 12.903
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không



ÔNG VŨ NGỌC HƯƠNG

Thành viên Ban Kiểm soát

- **Ngày sinh** : 23/12/1969
- **Địa chỉ thường trú** : 15/83/30 Võ Duy Ninh, Phường 22, Q. Bình Thạnh, HCM
- **Trình độ học vấn** : 12/12
- **Trình độ chuyên môn** : Cử nhân kinh tế
- **Quá trình công tác:**
 - Từ 08/1987 : Nhập ngũ tại Bộ Tư lệnh Hải quân
 - Từ 02/1992 : Nhân viên Phòng Đo lường – Cục Kỹ thuật Hải quân
 - Từ 07/1994 : Trưởng Ban Thống kê – Kế hoạch, Kho 710, Cục Kỹ thuật Hải quân
 - Từ 10/2001 : Nhân viên điều hành cơ giới, Công ty Tân Cảng Sài Gòn
 - Từ 10/2005 : Đội trưởng đội xe chạy ngoài, Xí nghiệp Cơ giới xếp dỡ, công ty Tân Cảng Sài Gòn
 - Từ 04/2007 : Thành viên Ban Kiểm soát TCL
 - Từ 03/2008 : Giám đốc Trung tâm điều hành sản xuất kiêm Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Đại lý GNVT xếp dỡ Tân Cảng
 - Từ 06/2009 đến nay : Phó Giám đốc Xí nghiệp Cơ giới xếp dỡ, công ty Tân Cảng Sài Gòn kiêm Thành viên Ban Kiểm soát công ty CP Đại lý Giao nhận vận tải xếp dỡ Tân Cảng
- **Chức vụ tại các tổ chức khác:** Phó Giám đốc Xí nghiệp Cơ giới xếp dỡ, công ty Tân Cảng Sài Gòn
- **Số cổ phần nắm giữ:** 1.801 cổ phần (tỷ lệ 0,01%)
- **Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:** Không
- **Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:** Không
- **Các khoản nợ đối với Công ty:** Không



BÀ ĐẶNG HỒNG NHUNG

Thành viên Ban Kiểm soát

- Ngày sinh : 24/03/1971
- Địa chỉ thường trú : 36/6A Lý Thường Kiệt, Phường 8, Q. Tân Bình, Tp. HCM
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kế toán
- Quá trình công tác:
 - Từ 06/1993 : NV Kế toán công ty TNHH Liên Thành
 - Từ 07/1996 : NV Kế toán công ty TNHH Container Sài Gòn
 - Từ 04/2007 đến nay : NV Kế toán công ty TNHH Container Sài Gòn; Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Nhân viên Kế toán Công ty TNHH Container Sài Gòn
- Số cổ phần nắm giữ: 3.663 cổ phần (tỷ lệ 0,02%)
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không



BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Quyền lợi của Ban Giám đốc

Tiền lương, thưởng của Ban Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Giám đốc: **1.569.866.665 đồng** (Một tỷ năm trăm sáu mươi chín triệu tám trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi lăm đồng)

Thay đổi thành viên Ban Giám đốc

Tháng 5/2010 Tổng Công ty Tân cảng Sài Gòn (Công ty mẹ) đã điều động ông Trần Hoài Nam - Phó giám đốc Công ty về Công ty mẹ nhận công tác khác và bổ nhiệm ông Lê Đăng Quỳnh Nghi giữ chức Phó Giám đốc Công ty Tân cảng logistics thay ông Trần Hoài Nam.

Thành viên Ban Giám đốc

1. Ông Nguyễn Văn Uẩn – Giám đốc (chi tiết xem mục Hội đồng Quản trị)
2. Ông Lê Hoàng Linh – Phó Giám đốc (chi tiết xem mục Hội đồng Quản trị)
3. Ông Lê Đăng Quỳnh Nghi – Phó Giám đốc
4. Ông Nguyễn Hữu Đức – Phó Giám đốc
5. Ông Cao Minh Thụ – Phó Giám đốc



ÔNG LÊ ĐĂNG QUỲNH NGHI

Phó Giám đốc Công ty

- Ngày sinh : 04/11/1965
- Địa chỉ thường trú : 60 Đường 30, Phường Bình Trưng Tây, Quận 2, HCM
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Đại học
- Quá trình công tác:
 - Từ 10/1996 : Nhân viên, Phòng điều độ, Công ty Tân Cảng Sài Gòn
 - Từ 03/1998 : Phó trưởng ban điều độ, Phòng Điều độ Công ty Tân Cảng Sài Gòn
 - Từ 05/1999 : Nhân viên Thương vụ, Xí nghiệp Cảng Cát lái, Công ty Tân Cảng Sài Gòn
 - Từ 03/2005 : Phó trực ban sản xuất, Trung tâm điều độ, Công ty Tân Cảng Sài Gòn
 - Từ 03/2007 : lâm thời Trưởng trực ban sản xuất, Trung tâm điều độ, Công ty Tân Cảng Sài Gòn
 - Từ 06/2007 : Trực ban trưởng sản xuất, Trung tâm điều độ, Công ty Tân Cảng Sài Gòn
 - Từ 12/2008 : Phó giám đốc, Trung tâm điều độ, Công ty Tân Cảng Sài Gòn
 - Từ 04/2010 : Phó giám đốc TCL
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 17.384 cổ phần (tỷ lệ 0,10%)
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Vợ - Bùi Thị Trung Thủy, nắm giữ 12.518 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không



ÔNG NGUYỄN HỮU ĐỨC

Phó Giám đốc Công ty

- Ngày sinh : 01/05/1975
- Địa chỉ thường trú : 16 Mê Linh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
- Điện thoại liên lạc : 0903 615 777
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - Từ 01/1998 : Nhân viên Điều độ, Trung tâm Điều độ, Công ty Tân Cảng Sài Gòn
 - Từ 09/2001 : Học viên trường Sĩ quan lục quân 1
 - Từ 12/2004 : Trưởng Trực ban sản xuất, Trung tâm Điều độ, Công ty Tân Cảng Sài Gòn
 - Từ 03/2007 : PGĐ Trung tâm điều độ, Công ty Tân Cảng Sài Gòn
 - Từ 03/2008 : Phó trưởng phòng Kế hoạch khai thác, Công ty Tân Cảng Sài Gòn
 - Từ 09/2009 đến nay : Phó Giám đốc Công ty cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng
- Chức vụ tại các tổ chức khác : Không
- Số cổ phần nắm giữ: 5.302 cổ phần (tỷ lệ 0,03%)
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không



ÔNG CAO MINH THỤ

Phó Giám đốc Công ty

- **Ngày sinh** : 02/09/1957
 - **Địa chỉ thường trú** : 355-356 Vành Đai Đông, P. An Phú, Q.2, TpHCM
 - **Trình độ văn hóa** : 10/10
 - **Trình độ chuyên môn** : Kỹ sư Điều khiển tàu biển và vũ khí tàu; Cử nhân Kinh tế vận tải biển
- Từ 02/1975 : B1 Trung sỹ, trợ lý chính trị C11, D3, E149, F316B
- Từ 11/1977 : Trung sỹ, Học viên trường văn hoá Quân khu 4
- Từ 08/1978 : Thượng sỹ; Học viên Kỹ thuật quân sự
- Từ 09/1979 : Chuẩn úy; Học viên học viện Hải quân (Ba Lan)
- Từ 08/1984 : Thượng úy; Thuyền phó Tàu HQ 512
- Từ 09/1989 : Đại úy; Thuyền phó Tàu HQ 513
- Từ 12/1991 : Thiếu tá; Thuyền trưởng Tàu Trường Sa 04
- Từ 05/1995 : Thiếu tá; Phó phòng cảng vụ, công ty Tân Cảng Sài Gòn
- Từ 11/1997 : Trung tá; Cảng vụ trưởng Xí nghiệp Cảng Cát Lái, công ty Tân Cảng Sài Gòn
- Từ 06/2000 : Trung tá; Phó giám đốc Xí nghiệp Cảng Cát Lái, công ty Tân Cảng Sài Gòn
- Từ 05/2005 : Trung tá; Phó phòng cảng vụ, công ty Tân Cảng Sài Gòn
- Từ 03/2006 : Trung tá; Phó Giám đốc Xí nghiệp Đại lý Giao nhận vận tải xếp dỡ Tân Cảng, công ty Tân Cảng Sài Gòn
- Từ 3/2007 đến nay : Thượng tá; Phó Giám đốc TCL
- **Số cổ phần nắm giữ:** 15.268 cổ phần
 - **Các khoản nợ đối với Công ty:** Không
 - **Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:** Không



ÔNG ĐỖ THANH TRƯỜNG

Kế toán trưởng

- Ngày sinh : 04/3/1976
- Địa chỉ thường trú : Số 34, đường số 3, Tổ 5, KP8, P.Trường Thọ, Q.Thủ Đức, HCM
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - 8/1997 đến 9/1998 : Nhân viên kế toán Công ty xây lắp Hải công – BQP
 - 10/1998 đến 02/2000 : Q. Kế toán trưởng – Xí nghiệp xây dựng Hải Triều-Công ty xây lắp Hải công – BQP
 - 3/2000 đến 7/2001 : Nhân viên kế toán – P. Tài chính - Công ty Tân Cảng Sài Gòn
 - 7/2001 đến 5/2006 : Nhân viên kế toán tổng hợp – Xí nghiệp XDCT Tân Cảng – Công ty Tân Cảng Sài Gòn
 - 6/2006 đến 2/2007 : Nhân viên kế toán Xí nghiệp Đại lý GNVT xếp dỡ Tân Cảng - Công ty Tân Cảng Sài Gòn
 - 3/2007 đến 02/2008 : Trưởng ban Tài chính - Kế toán TCL
 - 02/2008 đến nay : Trưởng phòng Tài chính - Kế toán trưởng TCL
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng BKS Công ty CP Tân Cảng 128 – Hải Phòng; Trưởng BKS công ty CP Vận tải Tân Cảng số Hai; Trưởng BKS Công ty CP Tân Cảng Miền Trung
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 7.879 cổ phần
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: Vợ - Vũ Thị Phương Hoa nắm giữ: 5.456 cổ phần cá nhân
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không

CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC



Tân Cảng Logistics luôn ý thức được nhân lực là yếu tố quyết định cho sự thành công của Công ty. Vì vậy, Công ty thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, đào tạo để mỗi người có thể làm việc chuyên nghiệp, phát huy được năng lực cá nhân và biết hợp tác cùng đồng nghiệp. Công ty tiếp nhận lao động mới theo một quy trình chặt chẽ và có chính sách thu hút lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải có các yêu cầu như: có trình độ chuyên môn cơ bản, tốt nghiệp đại học chuyên ngành, nhiệt tình, chủ động trong công việc. Đồng thời, Công ty cũng có chính sách trả lương, thưởng đặc biệt với các nhân viên giỏi và nhiều kinh nghiệm, một mặt vừa để đảm bảo đời sống cho nhân viên, mặt khác vừa để “thu hút nhân tài” từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, số lượng cán bộ, nhân viên của Tân Cảng Logistics là 309 người.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Chế độ làm việc

Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày và 5 ngày/tuần. Căn cứ trên nhu cầu công việc thực tế, nhân viên có thể làm 2 ca (sáng, chiều) hoặc 3 ca (sáng, chiều, tối), ngoài ra Công ty và nhân viên cũng có thể thỏa thuận làm thêm giờ. Nhân viên làm thêm giờ (từ 17h – 21h) được trả lương từ 150,0% đến 300,0% mức lương làm việc thông thường (được sắp xếp nghỉ bù và được nhận phần chênh lệch bằng tiền mặt). Đối với việc nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ thai sản, Công ty luôn thực hiện theo đúng quy định của Bộ Luật lao động.

Ngoài ra, Công ty còn chú trọng đến việc tạo điều kiện làm việc tốt nhất cho cán bộ, nhân viên. Công ty đã xây dựng được hệ thống văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, thoáng mát, đầy đủ tiện nghi và các trang thiết bị cần thiết để cán bộ, nhân viên đạt được hiệu quả làm việc cao nhất. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động.

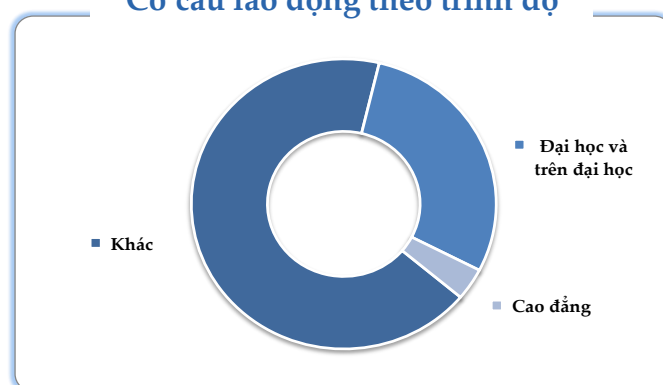
Chính sách lương, thưởng và phúc lợi

Công ty đã xây dựng chính sách tiền lương riêng thông qua Quy chế trả lương phù hợp với ngành nghề hoạt động và đảm bảo cho người lao động hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước. Hệ số lương được xác định dựa trên trình độ, cấp bậc và tay nghề của người lao động, đảm bảo phù hợp với năng lực và công việc của từng người, khuyến khích cán bộ, nhân viên trong Công ty làm việc hăng say, góp phần thúc đẩy hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật.

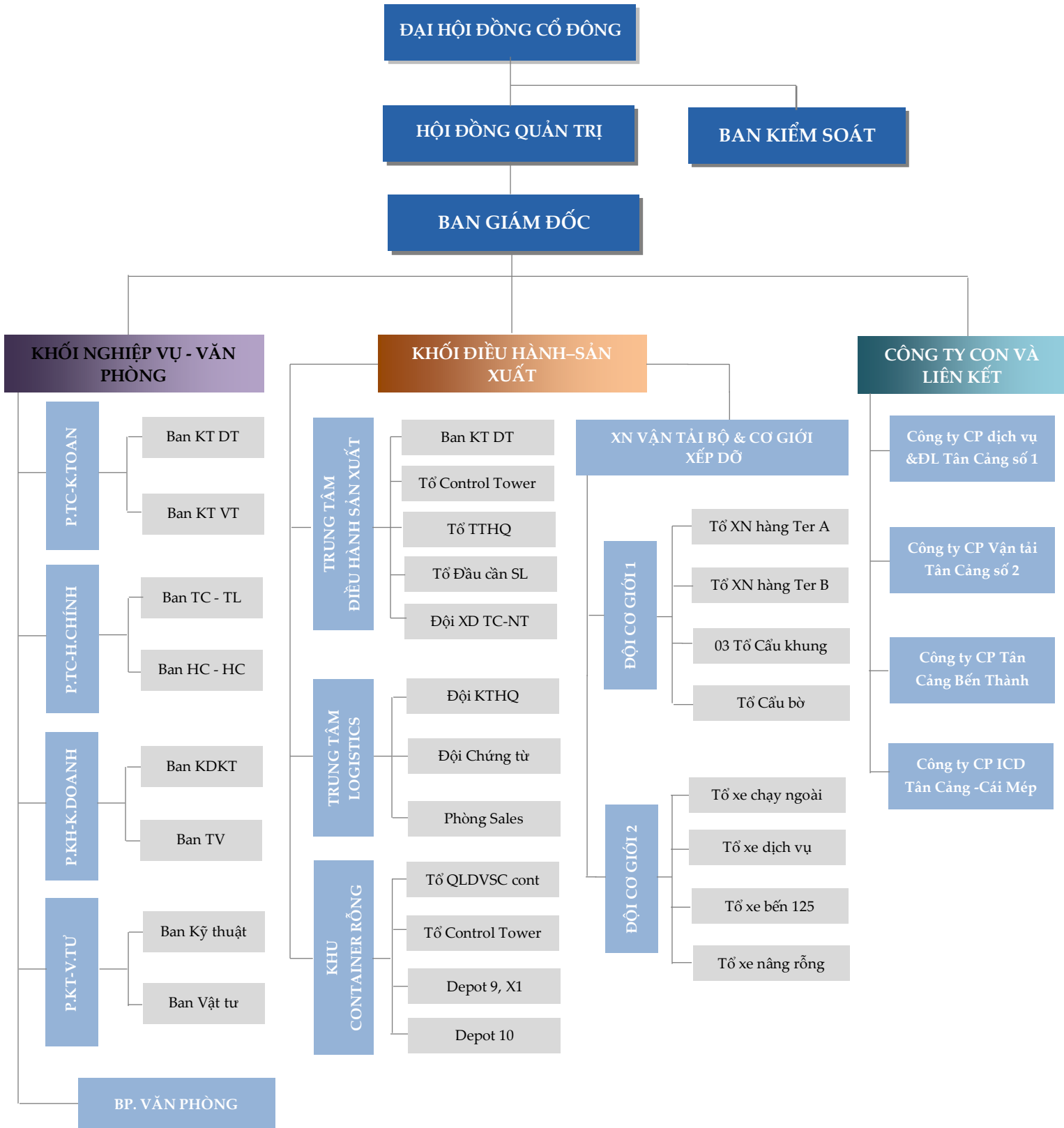
Công đoàn Công ty được giao nhiệm vụ chăm lo đến đời sống vật chất tinh thần cho cán bộ, nhân viên như: khám sức khỏe định kỳ, tổ chức du lịch, phát động phong trào thể thao, văn nghệ nhằm tạo sự đoàn kết trong toàn thể cán bộ, nhân viên.

Cơ cấu lao động theo trình độ



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC





BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi:

CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 08 tháng 3 năm 2011, từ trang 06 đến trang 41 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng tại thời điểm ngày 31/12/2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Thị Tư

Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0059/KTV

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2011

Kiểm toán viên

Cao Thu Hiền

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0803/KTV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bảng Cân đối kế toán

(tại ngày 31 tháng 12 năm 2010)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: triệu đồng	
			31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		309.830	243.104
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	89.122	94.100
1. Tiền	111		38.122	29.100
2. Các khoản tương đương tiền	112		51.000	65.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		184.863	132.054
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	120.771	117.453
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	59.798	12.737
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	4.301	1.865
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(8)	-
IV. Hàng tồn kho	140		26.777	10.574
1. Hàng tồn kho	141	V.6	26.777	10.574
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.068	6.376
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	777	983
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.670	1.122
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	1
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	3.621	4.270

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bảng Cân đối kế toán

(tại ngày 31 tháng 12 năm 2010) (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: triệu đồng	
			31/12/2010	31/12/2009
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		302.337	204.228
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		196.830	131.636
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	142.471	124.881
- Nguyên giá	222		231.123	181.868
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(88.651)	(56.987)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	2.448	3.201
- Nguyên giá	225		4.519	4.519
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.071)	(1.318)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	17
- Nguyên giá	228		-	18
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(2)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	51.911	3.537
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		81.093	45.171
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.12	7.894	2.021
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	73.199	43.150
4. Dự phòng giảm giá đầu tư TC dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		24.414	27.422
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	22.994	24.972
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.15	-	246
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.16	1.420	2.204
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		612.167	447.332

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bảng Cân đối kế toán

(tại ngày 31 tháng 12 năm 2010) (tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		236.817	144.956
I. Nợ ngắn hạn	310		186.691	121.551
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	13.786	4.000
2. Phải trả người bán	312	V.18	70.972	54.078
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	18.213	7.110
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	32.215	20.478
5. Phải trả người lao động	315		20.196	19.111
6. Chi phí phải trả	316	V.21	3.761	984
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	15.082	7.791
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.23	12.465	7.999
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		50.127	23.405
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		970	1.434
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.24	48.382	21.502
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.25	775	469
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bảng Cân đối kế toán

(tại ngày 31 tháng 12 năm 2010) (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: triệu đồng	
			31/12/2010	31/12/2009
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		333.982	291.346
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.26	333.982	291.346
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		186.999	170.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.001	25.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(13)	(14)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		21.923	11.638
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		14.523	9.380
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		102.549	75.342
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.27	41.368	11.030
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		612.167	447.332

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo Kết quả kinh doanh

Đơn vị: triệu đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010	2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	786.186	521.149
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		786.186	521.149
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	622.557	396.952
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		163.629	124.197
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	12.690	5.137
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5.370	2.437
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.787	1.066
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	1.392	1.441
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	27.170	19.007
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		142.388	106.449
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2.418	3.388
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.042	1.752
13. Lợi nhuận khác	40		1.376	1.637
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		(1.772)	373
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		141.991	108.459
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	33.493	19.068
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		246	(246)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		108.252	89.637
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	V.27	12.075	3.341
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		96.176	86.296
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	70	VI.9	5.143	4.615

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: triệu đồng	
			2010	2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		141.991	108.459
2. Điều chỉnh cho các khoản				-
- Khấu hao tài sản cố định	02		32.417	26.219
- Các khoản dự phòng	03		8	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(2.435)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8.305)	(6.958)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	2.787	1.066
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		166.463	128.785
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(54.451)	(72.291)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		42.835	(7.310)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		586	50.914
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.184	(10.087)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(2.807)	(981)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.20	(25.885)	(14.942)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		12.606	3.014
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(17.020)	(10.187)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		124.511	66.914
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(101.364)	(25.934)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		420	3.382
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(2.300)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	2.300
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(37.695)	(29.311)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.663	5.134
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(131.975)	(46.729)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ

(tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010	2009
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		47.666	34.339
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(8.501)	(15.920)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(2.500)	(1.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(41.381)	-
7. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của cổ đông thiểu số	37		6.724	-
8. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông thiểu số	38		-	(2.450)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.008	14.969
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(5.456)	35.153
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	94.100	58.947
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		478	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	89.122	94.100

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ cảng biển
- Hoạt động kinh doanh chính trong năm** : Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường thủy nội địa. Dịch vụ Logistics. Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu. Đại lý vận tải đường biển. Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa. Dịch vụ khai thuê hải quan. Dịch vụ cho thuê kho bãi, kiểm đếm, đóng gói hàng hóa (trừ kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật). Dịch vụ cung cấp tàu biển.
- Tổng số các công ty con** : 02
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất : 02
Số lượng các công ty con không hợp nhất : 0
- Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ	
		Lợi ích	Biểu quyết
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đại lý Tân Cảng Số Một	Số 1295A, đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP Hồ Chí Minh	51,0%	51,0%
Công ty Cổ phần Vận tải Tân Cảng Số Hai	Cảng Tân Cảng - Cái Mép, xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	51,0%	51,0%

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ	
		Sở hữu	Biểu quyết
Công ty Cổ phần Tiếp vận Suối Năng	Số 40, đường 41, khu phố 4, phường Thảo Điền, quận 2, TP Hồ Chí Minh	25,0%	49,0%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cypress	Cảng Tân Cảng - Cái Mép, xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	30,2%	40,0%

7. Danh sách các công ty liên kết ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Tên công ty	Lý do
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Tân Cảng Bến Thành	Mới thành lập, chưa có các hoạt động phát sinh

8. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Công ty mẹ và các Công ty con có 491 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 565 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của Công ty mẹ của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ với Công ty con và giữa các Công ty con với nhau, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là đơn vị mà Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Máy móc và thiết bị	6 – 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5
Tài sản cố định khác	4

8. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính được công bố tại thuyết minh số IV.7.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí thuê kho bãi

Chi phí đầu tư xây dựng bãi chứa container rỗng (depot) được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê kho bãi là 60 tháng.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí thuê xe đầu kéo

Chi phí thuê xe đầu kéo được phân bổ theo thời gian thuê.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

13. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ mất việc làm là 3,0% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

14. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Ngày quy đổi	Tỷ giá	
	VND/USD	VND/EUR
31/12/2009	17.941	25.723,81
31/12/2010	18.932	24.884,22

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	176	419
Tiền gửi ngân hàng	37.946	28.681
Các khoản tương đương tiền	51.000	65.000
Cộng	89.122	94.100

2. Phải thu khách hàng

Đơn vị: triệu đồng

Phải thu khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
Về phí xếp dỡ Container	24.384	52.608
Về dịch vụ vận chuyển	50.534	38.093
Về dịch vụ depot	33.882	19.739
Về sửa chữa Container	2.041	2.424
Về hoạt động xây lắp		100
Về các dịch vụ khác	9.930	4.489
Cộng	120.771	117.453

3. Trả trước cho người bán

Đơn vị: triệu đồng

Trả trước người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
Về sửa chữa, xây dựng cơ bản	639	6.894
Về mua sắm tài sản cố định	39.703	184
Về dịch vụ xếp dỡ, vận chuyển	-	430
Về hoạt động xây lắp	18.591	4.917
Về các dịch vụ khác	866	311
Cộng	59.798	12.737

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

4. Các khoản phải thu khác

Phải thu khác	Đơn vị: triệu đồng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Dịch vụ Giao nhận Vận tải Vân Linh	-	36
Cổ tức và lợi nhuận được chia	1.500	-
Phải thu Bảo hiểm xã hội quận 2 tiền chế độ	106	28
Phải thu tiền do sự cố Sà Lan	1.604	1.097
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ nhưng chưa kê khai và thuế giá trị gia tăng thuế tài chính	107	70
Phải thu Công ty CP Dịch vụ Tân Cảng Bến Thành các khoản chi hộ	107	-
Các khoản phải thu khác và chi hộ khách hàng	877	634
Cộng	4.301	1.865

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Là khoản dự phòng phải thu Công ty Cổ phần Tạp phẩm Sài Gòn.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho	Đơn vị: triệu đồng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	3.876	4.489
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	22.901	6.085
Cộng	26.777	10.574

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	Đơn vị: triệu đồng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của dịch vụ vận chuyển, xếp dỡ	9.118	477
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của các công trình xây dựng	13.783	5.608
- Thiết kế - thi công khu kiểm hóa và sân bãi xung quanh ICD Long Bình	-	2.081
- Đường nội bộ ICD Long Bình	-	3.185
- Cải tạo hệ thống thoát nước Cảng Cát Lái	-	341
- Cải tạo nâng cấp TER B và bãi của Xí nghiệp kho bãi Cát Lái	7.555	-
- Đường, bãi thoát nước Cảng Container Cái Mép giai đoạn II	6.016	-
- Xử lý luồng vào 7,8,9	213	-
Cộng	22.901	6.085

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn	Đơn vị: triệu đồng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo dưỡng xe	196	515
Chi phí mua bảo hiểm cho xe	40	58
Chi phí thuê nhà	24	24
Chi phí tư vấn thương hiệu	346	-
Cộng	777	983

8. Tài sản ngắn hạn khác

Tài sản ngắn hạn khác	Đơn vị: triệu đồng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	1.790	3.703
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.831	567
Cộng	3.621	4.270

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Tài sản cố định hữu hình					
	<u>Nhà cửa, vật KT</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>PTVT, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, DCQL</u>	<u>TSCĐ khác</u>	<u>Cộng</u>
1. Nguyên giá						
Số đầu năm	-	129.492	51.019	1.253	103	181.868
Mua sắm mới	-	5.835	16.099	386	61	22.382
Đầu tư XDCB hoàn thành	9.968	-	-	-	-	9.968
Tăng do nhận vốn góp	-	-	17.776	-	-	17.776
Thanh lý, nhượng bán	-	(452)	(350)	(24)	(44)	(871)
Số cuối năm	9.968	134.876	84.543	1.615	121	231.123
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	179	-	179
2. Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	-	43.069	13.580	318	20	56.987
Khấu hao trong năm	831	20.481	10.203	453	26	31.993
Thanh lý, nhượng bán	-	(168)	(128)	(11)	(21)	(328)
Số cuối năm	831	63.381	23.654	761	25	88.651
3. Giá trị còn lại						
Số đầu năm	-	86.424	37.439	935	83	124.881
Số cuối năm	9.137	71.494	60.890	854	96	142.471

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 28.528.959.374 VND và 13.245.588.514 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Sở Giao dịch Ngân hàng TMCP Á Châu, một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 20.689.480.260 VND và 9.605.830.095 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú. Tài sản dùng để thế chấp vay Ngân hàng Quân đội – Chi nhánh An Phú là 02 xe nâng QC 30-40 và QC 29-40 có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 18.720.149.200 VND và 10.436.147.640 VND.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

10. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	Máy móc thiết bị
1. Nguyên giá	
Số đầu năm	4.519
Tăng trong năm	-
Giảm trong năm	-
Số cuối năm	4.519
2. Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	1.318
Tăng trong năm do khấu hao	753
Giảm trong năm	-
Số cuối năm	2.071
3. Giá trị còn lại	
Số đầu năm	3.201
Số cuối năm	2.448

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang				Số cuối năm
	Số đầu năm	Chi phí phát sinh	Kết chuyển vào TSCĐ	Kết chuyển giảm khác	
Mua sắm TSCĐ	-	59.495	7.801	-	51.694
XDCB dở dang	3.537	6.647	9.968	-	217
- Bến Sà lan 75 Tucs	3.320	6.647	9.968	-	-
- Dự án 50ha huyện Tân Thành	217	-	-	-	217
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	4.428	-	4.428	-
Cộng	3.537	70.571	17.769	4.428	51.911

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

12. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Đơn vị: triệu đồng

Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cypress ⁽ⁱ⁾	40%	4.855		-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Bến Thành ⁽ⁱⁱ⁾	36%	500		-
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Suối Năng ⁽ⁱⁱⁱ⁾	49%	2.539	49%	2.021
Cộng		7.894		2.021

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3501556139 ngày 10 tháng 3 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tân Cảng Cypress 7.146.000.000 VND, tương đương 40,0% vốn điều lệ. Trong năm và tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ 7.146.000.000 VND, tương đương 20,0% vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Tân Cảng Cypress.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0310151577 ngày 12 tháng 7 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Bến Thành là 54.000.000.000 VND. Trong năm và tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 500.000.000 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Bến Thành là 53.500.000.000 VND.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 41103200063 ngày 30 tháng 3 năm 2009 do Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp Vận Suối Năng 98.000 USD, tương đương 49,0% vốn điều lệ. Công ty đã đầu tư đủ số vốn đã cam kết.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

13. Đầu tư dài hạn khác

Đơn vị: triệu đồng

Đầu tư dài hạn khác	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		15.687		12.950
- Ngân hàng TMCP Quân đội	870.000	14.667	700.000	12.950
- Công ty Cổ phần Cảng Mỹ Thới An Giang	100.000	1.020		
Đầu tư vào đơn vị khác		52.812		25.500
- Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	750.000	7.500	750.000	7.500
- Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước	1.230.000	12.312		
- Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Á Châu	800.000	8.000	800.000	8.000
- Công ty Cổ phần Kho Vận Tân Cảng	500.000	5.000		
- Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 – Hải Phòng	1.000.000	10.000	1.000.000	10.000
- Tổng Công ty Bến Thành ⁽ⁱ⁾		10.000		
Đầu tư hợp tác kinh doanh ⁽ⁱⁱ⁾		4.700		4.700
Cộng		73.199		43.150

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác là do Công ty là cổ đông sáng lập góp vốn thành lập các Công ty cổ phần với số vốn điều lệ cam kết góp nhỏ hơn 20,0% số vốn điều lệ của các Công ty Cổ phần mới thành lập.

- (i) Trong kỳ, Công ty đã chuyển 10.000.000.000 VND cho Tổng Công ty Bến Thành để góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Bến Thành theo “Thỏa thuận nguyên tắc” về việc thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Bến Thành. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính Tổng Công ty Bến Thành xác nhận chưa chuyển số vốn góp này cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Bến Thành và sẽ chuyển trong năm 2011.
- (ii) Là khoản đầu tư hợp tác kinh doanh để thực hiện xây dựng cầu tàu, bến sà lan phục vụ cho hoạt động kinh doanh nâng hạ container với Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

14. Chi phí trả trước dài hạn

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Chi phí trả trước dài hạn			
	Số đầu năm	Chi phí phát sinh	Phân bổ vào chi phí	Số cuối năm
Chi phí xây dựng bãi Depot	22.023	-	5.858	16.165
Chi phí thuê phương tiện, tài sản	2.948	1.384	996	3.337
Chi phí sửa chữa tài sản	-	4.207	841	3.366
Chi phí xây dựng bãi rửa xe	-	128	2	126
Cộng	24.972	5.719	7.697	22.994

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Số dư đầu năm là tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản trích trước chi phí tư vấn quản lý thương hiệu chưa được khấu trừ do chưa có hóa đơn của nhà cung cấp. Trong năm 2010, số dư này đã được hoàn nhập do đã có hoá đơn GTGT.

16. Tài sản dài hạn khác

Là khoản ký cược, ký quỹ, chi tiết như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Các khoản ký quỹ	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ thuê trụ sở	-	144
Ký quỹ thuê kho bãi	1.420	1.920
Ký quỹ thuê máy móc, phương tiện vận tải	-	140
Cộng	1.420	2.204

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

17. Vay và nợ ngắn hạn

Đơn vị: triệu đồng

Vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	-	1.500
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú	-	1.500
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.24)	13.453	-
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú	9.228	-
Ngân hàng Natixis – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	4.225	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	333	2.500
Cộng	13.786	4.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Vay và nợ ngắn hạn			Cộng
	Vay ngắn hạn Ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	
Số đầu năm	1.500	-	2.500	4.000
Số tiền vay phát sinh	-	-	-	-
Kết chuyển từ vay dài hạn	-	13.453	333	13.786
Số tiền vay đã trả trong năm	(1.500)	-	(2.500)	(4.000)
Số cuối năm	-	13.453	333	13.786

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

18. Phải trả người bán

Đơn vị: triệu đồng

Phải trả người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
Về chi phí bốc xếp	32.854	24.424
Về chi phí nguyên vật liệu	4.074	6.375
Về mua sắm, sửa chữa tài sản cố định	12.510	7.758
Về hoạt động xây dựng	13.751	12.261
Lãi vay phải trả	240	260
Về chi phí dịch vụ khác	7.544	3.001
Cộng	70.972	54.078

19. Người mua trả tiền trước

Đơn vị: triệu đồng

Người mua trả tiền trước	Số cuối năm	Số đầu năm
Về dịch vụ Depot	-	85
Về dịch vụ kê khai thuê Hải quan	46	-
Về dịch vụ hàng chuyển cảng	32	-
Về hoạt động xây lắp	18.135	7.025
Cộng	18.213	7.110

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị: triệu đồng

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Chỉ tiêu			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	238	21.898	20.255	1.881
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	503	6.129	3.038	3.594
Thuế xuất, nhập khẩu	-	681	681	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.895	33.493	25.885	26.504
Thuế thu nhập cá nhân	841	1.424	2.080	185
Thuế nhà thầu	-	52	-	52
Các loại thuế khác	-	16	16	-
Cộng	20.477	63.695	51.956	32.215

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Trong đó:

Đơn vị: triệu đồng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	32.215	20.478
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	-	(1)
Cộng	32.215	20.477

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho dịch vụ xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10,0%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25,0%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Đơn vị: triệu đồng

Thuế thu nhập doanh nghiệp	2010	2009
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	141.991	108.459
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	(8.257)	(486)
- Các khoản chi phí không hợp lệ	1.271	722
- Các khoản chi phí chưa có hóa đơn năm 2009 đã có hóa đơn năm 2010	(984)	984
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(2.435)	11
- Lãi từ Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ	1.772	-
- Điều chỉnh giảm các khoản phát sinh lãi, lỗ chưa thực hiện trong tập đoàn	(305)	-
- Dự phòng khoản đầu tư vào Công ty liên kết	(3.035)	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(4.416)	(373)
- Lãi từ hoạt động hợp tác kinh doanh	(126)	(1.830)
Thu nhập chịu thuế	133.734	107.973
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Thu nhập tính thuế	133.734	107.973
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	33.433	26.993
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	(8.098)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	33.433	18.895
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	60	172
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	33.493	19.068

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

21. Chi phí phải trả

Đơn vị: triệu đồng

Chi phí phải trả	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí tư vấn thương hiệu	-	984
Chi phí hoạt động xây lắp	1.907	-
Chi phí dịch vụ vận chuyển, xếp dỡ	1.854	-
Cộng	3.761	984

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Đơn vị: triệu đồng

Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	1.692	947
Bảo hiểm xã hội	333	186
Bảo hiểm y tế	10	72
Bảo hiểm thất nghiệp	6	0,3
Phải trả tiền đền bù thiệt hại của Sà Lan	4.815	5.594
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	4.343	231
Các khoản phải trả khác	3.884	761
Cộng	15.082	7.791

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Đơn vị: triệu đồng

Các Quỹ	Chỉ tiêu				
	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	3.914	5.806	3	3.072	6.651
Quỹ phúc lợi	4.085	5.806	-	4.077	5.814
Quỹ thưởng BDH	-	325	-	325	-
Cộng	7.999	11.936	3	7.474	12.465

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

24. Vay và nợ dài hạn

Đơn vị: triệu đồng

Vay và nợ dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	46.382	19.169
- Sở Giao Dịch Ngân hàng TMCP Á Châu ⁽ⁱ⁾	3.565	6.300
- Ngân hàng TMCP Quân đội – CN An Phú ⁽ⁱⁱ⁾	4.792	12.869
- Ngân hàng Natixis – Chi nhánh Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	38.025	-
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	2.000	2.000
- Trung tâm Triển lãm và Xúc tiến Thương mại Quân đội ^(iv)	2.000	2.000
Nợ dài hạn ^(v)	-	333
Cộng	48.382	21.502

- (i) Là khoản vay của Sở giao Dịch Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu theo hợp đồng vay số 71228799 ngày 25/12/2009, để mua xe nâng, thời hạn vay là 03 năm. Tài sản đảm bảo là 03 cầu khung bánh lốp trị giá được xác định là 12.123.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp số SGD.BDDN.04021109 ngày 04/12/2009.
- (ii) Là khoản vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội theo hợp đồng vay số 103.09/APU/TDH.97/180918.02, để xây dựng bến Sà lan tại Cảng Tân Cảng – Cái Mép, thời hạn vay là 05 năm, tài sản đảm bảo bằng 03 chiếc xe nâng QC 23,24,25-40 có giá trị được xác định là 15.500.000.000 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 52.09.APU/ĐS.06/180918.02.
- (iii) Là khoản vay của Ngân hàng Natixis – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để mua 02 cầu bánh lốp (Cầu RTG) tài sản đảm bảo được hình thành từ vốn vay.
- (iv) Là khoản vay của Trung tâm Triển lãm và Xúc tiến Thương Mại Quân đội theo hợp đồng vay số 41/HĐ/CKT-BQP, để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay là 02 năm, lãi vay trả theo năm tài chính.
- (v) Khoản thuê tài chính của Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo hợp đồng cho thuê tài chính số 54.08.07/CTTC-CNHCM ngày 19 tháng 3 năm 2008, thuê 08 xe đầu kéo hiệu Dongfeng EQ4252GE7, thời gian thuê là 03 năm.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

Đơn vị: triệu đồng

Vay và nợ dài hạn	Tổng nợ	Kỳ hạn thanh toán		
		Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Vay dài hạn ngân hàng	59.084	13.453	25.257	21.125
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	2.000	-	2.000	-
Nợ dài hạn	333	333	-	-
Cộng	61.417	13.786	27.257	21.125

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	2010	2009
Số đầu năm	21.502	7.083
Số tiền vay phát sinh	47.666	30.039
Số tiền vay đã trả	(7.001)	(13.120)
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(13.786)	(2.500)
Số cuối năm	48.382	21.502

25. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Đơn vị: triệu đồng

Dự phòng trợ cấp mất việc làm	2010	2009
Số đầu năm	469	189
Số trích lập bổ sung	320	285
Số đã chi	(14)	(5)
Số cuối năm	775	469

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

26. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Vốn chủ sở hữu						
	Vốn ĐT CSH	Thặng dư VCP	Chênh lệch TGHD	Quỹ ĐTPT	Quỹ DPTC	LNST chưa PP	Cộng
Số dư đầu năm trước	170.000	25.000	-	6.951	4.956	7.291	214.199
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	86.296	86.296
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	4.687	4.424	(18.160)	(9.048)
Trích quỹ Ban điều hành	-	-	-	-	-	(86)	(86)
Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ ngắn hạn	-	-	(14)	-	-	-	(14)
Số dư cuối năm trước	170.000	25.000	(14)	11.638	9.380	75.342	291.346
Số dư đầu năm nay	170.000	25.000	(14)	11.638	9.380	75.342	291.346
Tăng vốn chủ sở hữu từ thặng dư vốn cổ phần	16.999	(16.999)	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	96.176	96.176
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	10.372	5.186	(26.469)	(10.910)
Giảm do thay đổi tỷ lệ cơ cấu vốn điều lệ đã góp tại Công ty con	-	-	-	(87)	(44)	-	(131)
Chia cổ tức năm 2009	-	-	-	-	-	(42.500)	(42.500)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá đánh giá lại năm trước	-	-	1	-	-	-	1
Số dư cuối năm nay	186.999	8.001	(13)	21.923	14.523	102.549	333.982

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Cổ tức đã chi trả	Đơn vị: triệu đồng	
	2010	2009
Trả cổ tức năm trước ^(*)	41.381	-
Tạm ứng cổ tức	-	-
Cộng	41.381	-

^(*) 2.500 VND/cổ phiếu tương ứng 25% mệnh giá

Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu	Đơn vị: triệu cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19	17
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	19	17
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	19	17

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ:

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn....

27. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Đơn vị: triệu đồng

Lợi ích của cổ đông thiểu số	2010	2009
Số đầu năm	11.030	10.555
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	12.075	3.341
Cổ đông thiểu số góp vốn	24.500	-
Tăng do thay đổi tỷ lệ cơ cấu vốn điều lệ đã góp tại Công ty Cổ phần Vận tải Tân Cảng Số Hai	131	-
Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận	(4.953)	(2.450)
Giảm do phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.415)	(417)
Số cuối năm	41.368	11.030

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ

Đơn vị: triệu đồng

Doanh thu bán hàng và dịch vụ	2010	2009
Doanh thu bán hàng hóa	462	1.523
Doanh thu cung cấp dịch vụ	672.709	495.958
Doanh thu hoạt động xây lắp	113.015	23.668
Cộng	786.186	521.149

2. Giá vốn hàng bán

Đơn vị: triệu đồng

Giá vốn hàng bán	2010	2009
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	217	602
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	510.774	373.255
Giá vốn của hoạt động xây lắp	111.565	23.096
Cộng	622.557	396.952

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị: triệu đồng	
Doanh thu hoạt động tài chính	2010	2009
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.075	3.303
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.416	1.650
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.639	3
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.435	-
Lãi nhận được từ hoạt động liên doanh	126	180
Cộng	12.690	5.137

4. Chi phí tài chính

	Đơn vị: triệu đồng	
Chi phí tài chính	2010	2009
Chi phí lãi vay	2.787	1.066
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.583	1.371
Cộng	5.370	2.437

5. Chi phí bán hàng

	Đơn vị: triệu đồng	
Chi phí bán hàng	2010	2009
Chi phí nhân viên	54	135
Chi phí vật liệu, bao bì	61	97
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	14
Chi phí khấu hao tài sản cố định	41	99
Chi phí dịch vụ mua ngoài	821	752
Chi phí bằng tiền khác	416	343
Cộng	1.392	1.441



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Đơn vị: triệu đồng	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2010	2009
Chi phí nhân viên quản lý	12.030	9.556
Chi phí vật liệu quản lý	515	331
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.821	483
Chi phí khấu hao tài sản cố định	641	326
Thuế, phí và lệ phí	80	261
Chi phí dự phòng	61	58
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.522	6.233
Chi phí bằng tiền khác	3.500	1.760
Cộng	27.170	19.007

7. Thu nhập khác

	Đơn vị: triệu đồng	
Thu nhập khác	2010	2009
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	796	3.300
Thu phạt các phương tiện về định mức nhiên liệu	-	60
Thu phạt vi phạm hợp đồng	129	-
Thu bán hồ sơ thầu	-	10
Thu nhập từ đền bù khoản Elite Marine Transportation Co., Sa trong vụ TC 15	1.284	-
Các khoản thu nhập khác	208	18
Cộng	2.418	3.388

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

8. Chi phí khác

	Đơn vị: triệu đồng	
Chi phí khác	2010	2009
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	654	1.534
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	20
Phạt do vi phạm hợp đồng	180	-
Thưởng phương tiện về định mức nhiên liệu	-	18
Thuế bị phạt, bị truy thu	45	109
Các khoản chi phí khác	164	71
Cộng	1.042	1.752

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Đơn vị: triệu đồng	
	2010	2009
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Cổ đông Công ty mẹ	96.176	86.296
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	96.176	86.296
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	19	19
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	5.143	4.615

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Đơn vị: triệu cổ phiếu	
Cổ phiếu lưu hành	2010	2009
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	18,7	18,7
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	18,7	18,7



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2010 Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (công ty mẹ) đã tăng vốn điều lệ từ thặng dư vốn cổ phần. Vì vậy lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại theo số cổ phiếu phát hành thêm này. Việc điều chỉnh hồi tố này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 5.076 VND xuống còn 4.615 VND.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

Công ty nhận vốn góp bằng tài sản gồm 02 chiếc Sà Lan Tây Nam Số 01 và Tây Nam Số 02, chi tiết như sau:

Giao dịch	Đơn vị: triệu đồng		
	Giá trị		
	Giá trị tài sản	Giá trị vốn góp	Chênh lệch
Sà Lan Tây Nam 01 (*)	10.250	7.500	2.750
Sà Lan Tây Nam 02	10.276	10.276	-
Cộng	20.526	17.776	2.750

(*) Chênh lệch giữa giá trị tài sản đem góp vốn và giá trị vốn góp được Công ty chuyển tiền trả lại cổ đông góp vốn.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Đơn vị: triệu đồng	
	2010	2009
Tiền lương, phụ cấp	1.791	1.233
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	68	53
Tiền thưởng	914	270
Cộng	2.773	1.556

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn
Công ty TNHH MTV ICD Tân Cảng - Sóng Thần
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng
Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình Tân Cảng
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép
Công ty Cổ phần Địa Ốc Tân Cảng
Công ty Cổ phần Kho Vận Tân Cảng
Công ty TNHH MTV Hoa Tiêu Tân Cảng
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cypress
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Bến Thành
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Suối Năng

Mối quan hệ

Công ty mẹ
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Đơn vị: triệu đồng

	2010	2009
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty mẹ	373.773	368.611
Cung cấp dịch vụ sửa chữa vệ sinh container cho Công ty mẹ	7.989	3.237
Cung cấp hoạt động xây lắp cho Công ty mẹ	103.792	-
Cung cấp dịch vụ vận chuyển bằng Sà Lan tuyến Cát Lái – Cái Mép cho Công ty mẹ và ngược lại	16.892	-
Mua vật tư thanh lý của Công ty mẹ	10	-
Công ty mẹ cung cấp dịch vụ	22.150	22.379
Công ty cung cấp nhiên liệu	231	-
Thuê văn phòng của Công ty mẹ	1.379	447
Thuê phương tiện của Công ty mẹ trong thời gian 05 năm	1.384	3.364
Phí thương hiệu Công ty mẹ phân bố	346	-
Thanh toán cổ tức cho Công ty mẹ	21.675	-
Công ty mẹ tăng vốn góp từ thặng dư vốn cổ phần	8.670	-

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

	Đơn vị: triệu đồng	
	2010	2009
Công ty TNHH Một thành viên ICD Tân Cảng - Sóng Thần		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty TNHH Một thành viên ICD Tân Cảng Sóng Thần	250	11
Thu tiền cung cấp dầu DO	132	101
Dịch vụ xếp dỡ Công ty ICD Tân Cảng – Sóng Thần cung cấp	10.191	14.463
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	130	519
Tiền vật tư, dịch vụ sửa chữa Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng đã cung cấp	21.899	14.215
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	-	3
Phải trả về xây dựng bãi Depot	6.206	2.563
Phải trả về chi phí sửa chữa	-	5
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cái Mép		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép	13.843	35.944
Phải thu san lấp bãi container khu B	-	23.577
Phải thu phí kéo dỡ dây tàu	3.816	1.046
Cung cấp dịch vụ vận chuyển cho Công ty Cổ phần Tân Cảng Cái Mép tuyến Cái Mép – Cát Lái	124.357	-
Công ty Cổ phần Địa Ốc Tân Cảng		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Địa Ốc Tân Cảng	-	30
Công ty Cổ phần Kho Vận Tân Cảng		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Kho Vận Tân Cảng	45.701	-
Bán tài sản cho Công ty CP Kho vận Tân Cảng	53	-
Công ty CP Kho vận Tân Cảng cung cấp dịch vụ	52	-
Công ty TNHH MTV Hoa Tiêu Tân Cảng		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty TNHH MTV Hoa Tiêu Tân cảng	2	-
Công ty CP Tân Cảng Cypress		
Cung cấp dịch vụ cho Cypress	415	-
Cypress cung cấp dịch vụ vận chuyển	388	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Bến Thành		
Góp vốn	500	-
Các khoản chi hộ	107	-

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Đơn vị: triệu đồng

	2010	2009
Công ty Cổ phần Tiếp vận Suối Năng		
Thu phí dịch vụ Depot	9.030	5.374
Nhận ký cược ký quỹ thuê kho bãi	-	1.434
Góp vốn vào Suối Năng	-	1.661
Phải trả tiền nâng hạ	-	14
Cổ tức nhận được trong năm	586	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

Đơn vị: triệu đồng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Phải thu về cung cấp dịch vụ	64.213	90.362
Phải thu tiền dịch vụ sửa chữa container	824	470
Công ty TNHH Một thành viên ICD Tân Cảng - Sóng Thần		
Phải thu về cung cấp vật tư, dịch vụ	31	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng		
Phải thu về dịch vụ đã cung cấp	46	94
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng		
Ứng trước tiền xây lắp bãi Depot	-	3.900
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Cái Mép		
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ bằng Sà lan	2.856	17.838
Phải thu phí kéo dờ dây tàu	740	459
Phải thu về dịch vụ vận chuyển đã cung cấp	37.774	-
Công ty Cổ phần Kho Vận Tân Cảng		
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	2.691	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cypress		
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	52	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Bến Thành		
Phải thu khác	107	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Suối Năng		
Phải thu tiền phí dịch vụ	1.116	1.372
Cộng nợ phải thu	110.341	114.495

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Đơn vị: triệu đồng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Phải trả tiền cung cấp dịch vụ	297	248
Nhận ứng trước tiền xây dựng công trình	18.022	3.445
Phải trả tiền nhiên liệu	244	-
Công ty TNHH Một thành viên ICD Tân Cảng - Sóng Thần		
Phải trả về dịch vụ xếp dỡ	28	3.810
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng		
Phải trả về cung cấp vật tư, dịch vụ sửa chữa	4.766	4.320
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng		
Ứng trước tiền xây lắp bãi Depot	436	-
Công ty Cổ phần Kho Vận Tân Cảng		
Phải trả tiền cung cấp dịch vụ	37	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cypress		
Phải trả về dịch vụ được cung cấp	238	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Suối Nắng		
Phải trả tiền nhận ký cược ký quỹ thuê kho bãi	1.434	1.434
Cộng nợ phải trả	25.502	13.257

2. Thông tin về bộ phận

Lĩnh vực kinh doanh

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh, Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Lĩnh vực dịch vụ vận tải xếp dỡ;
- Lĩnh vực dịch vụ Depot;
- Lĩnh vực các dịch vụ khác;
- Lĩnh vực bán xăng dầu; và,
- Lĩnh vực xây lắp.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty (xem phụ lục 01)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty (xem phụ lục 02).

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra tại Cảng Cát Lái và Cảng Cái Mép thuộc Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn.

3. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Lập, ngày 08 tháng 3 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thị Hồng Thắm

Đỗ Thanh Trường

Nguyễn Văn Uẩn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG LẺ

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 08 tháng 3 năm 2011, từ trang 06 đến trang 37 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Thị Tư

Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0059/KTV

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2011

Kiểm toán viên

Cao Thu Hiền

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0803/KTV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG LẺ

Bảng Cân đối kế toán

(tại ngày 31 tháng 12 năm 2010)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: triệu đồng	
			31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		204.352	207.658
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	66.678	78.435
1. Tiền	111		21.678	13.435
2. Các khoản tương đương tiền	112		45.000	65.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		127.712	123.536
1. Phải thu khách hàng	131		76.409	114.156
2. Trả trước cho người bán	132		40.851	7.628
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		10.460	1.752
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(8)	-
IV. Hàng tồn kho	140		3.900	2.970
1. Hàng tồn kho	141		3.900	2.970
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.061	2.717
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		346	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.109	1.027
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.607	1.690

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG LẺ

Bảng Cân đối kế toán

(tại ngày 31 tháng 12 năm 2010) (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã Thuyết số minh	Đơn vị: triệu đồng	
		31/12/2010	31/12/2009
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	282.322	197.685
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212	-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	-	-
II. Tài sản cố định	220	148.894	110.868
1. Tài sản cố định hữu hình	221	96.983	107.331
Nguyên giá	222	170.458	157.848
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(73.476)	(50.517)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-
Nguyên giá	225	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	-	-
Nguyên giá	228	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229	-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	51.911	3.537
III. Bất động sản đầu tư	240	-	-
Nguyên giá	241	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242	-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	110.435	61.600
1. Đầu tư vào công ty con	251	35.700	18.450
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	4.073	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	72.179	43.150
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	(1.517)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260	22.994	25.218
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	22.994	24.972
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-	246
3. Tài sản dài hạn khác	268	-	-
VI. Lợi thế thương mại	269	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	486.674	405.343

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG LẺ

Bảng Cân đối kế toán

(tại ngày 31 tháng 12 năm 2010) (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã Thuyết số minh	Đơn vị: triệu đồng	
		31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ	300	159.514	117.227
I. Nợ ngắn hạn	310	109.651	96.411
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12.703	-
2. Phải trả người bán	312	36.918	45.421
3. Người mua trả tiền trước	313	78	85
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	23.974	18.382
5. Phải trả người lao động	315	17.004	17.013
6. Chi phí phải trả	316	-	984
7. Phải trả nội bộ	317	-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318	-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	9.446	7.560
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	9.528	6.966
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327	-	-
II. Nợ dài hạn	330	49.863	20.816
1. Phải trả dài hạn người bán	331	-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	48.382	20.419
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	817	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	664	397
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	-	-

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG LẺ

Bảng Cân đối kế toán

(tại ngày 31 tháng 12 năm 2010) (tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		327.160	288.117
I. Vốn chủ sở hữu	410		327.160	288.117
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		186.999	170.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.001	25.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(1)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		20.123	11.041
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		13.587	9.045
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		98.450	73.031
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		486.674	405.343

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG LẺ

Báo cáo Kết quả kinh doanh

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: triệu đồng	
			2010	2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	477.964	462.137
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		477.964	462.137
4. Giá vốn hàng bán	11		358.002	352.409
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		119.962	109.728
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		18.086	7.617
7. Chi phí tài chính	22		6.532	1.784
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.432	413
8. Chi phí bán hàng	24		841	883
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		19.883	16.174
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		110.792	98.504
11. Thu nhập khác	31		6.763	3.433
12. Chi phí khác	32		510	1.729
13. Lợi nhuận khác	40		6.253	1.704
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		117.045	100.208
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	25.157	17.227
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		1.063	(246)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		90.825	83.227

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ

Đơn vị: triệu đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: triệu đồng	
			2010	2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		117.045	100.208
2. Điều chỉnh cho các khoản:			-	-
- Khấu hao tài sản cố định	02		24.947	21.470
- Các khoản dự phòng	03		1.525	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(2.435)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(16.059)	(9.450)
- Chi phí lãi vay	06		2.432	413
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		127.455	112.641
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		42.137	(64.529)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(930)	(440)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(26.882)	48.105
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.632	(9.129)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(2.452)	(245)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(22.030)	(13.997)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		6.830	939
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(13.694)	(8.629)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		112.065	64.717
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(86.982)	(37.372)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		313	3.382
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(2.300)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	2.300
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(42.452)	(35.900)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.538	7.617
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(123.584)	(62.273)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG LẺ

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ

(tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	2010	2009
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	47.666	30.039
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(7.001)	(11.620)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(41.381)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(716)	18.419
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(12.234)	20.863
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	78.435
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	478	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	78.435

Lập, ngày 08 tháng 3 năm 2011

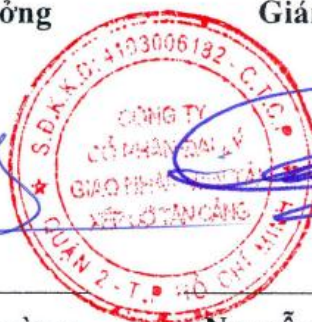
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thị Hồng Thắm

Đỗ Thanh Trường



Nguyễn Văn Uẩn

